UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 895 /KH-UBND	*Nghệ An, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thiết bị Starlink phục vụ kết nối Internet tại các khu vực khó khăn về hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 02/8/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh Nghệ An về hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Công văn số 6929/BKHCN-CVT ngày 09/9/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc triển khai hỗ trợ khắc phục tình trạng lõm sóng, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thiết bị Starlink phục vụ kết nối Internet tại các khu vực khó khăn về hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thiết bị Starlink tại thôn, bản còn khó khăn về hạ tầng viễn thông, nhằm cung cấp phương án kết nối Internet tạm thời cho cộng đồng trong thời gian chờ hoàn thiện hạ tầng viễn thông mặt đất.

- Tạo điều kiện để người dân tại các khu vực được thụ hưởng tiếp cận Internet phục vụ thông tin liên lạc, học tập, y tế, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nhu cầu thiết yếu; đồng thời tạo cơ sở thực tiễn để đánh giá hiệu quả của giải pháp kết nối vệ tinh tại địa bàn miền núi.

2. Yêu cầu

- Đúng địa điểm, đúng đối tượng, đúng mục đích phục vụ cộng đồng; không sử dụng thiết bị, dịch vụ được hỗ trợ cho mục đích cá nhân.

- Tiếp nhận, bàn giao, quản lý, bảo quản và sử dụng thiết bị, dịch vụ theo hồ sơ tài trợ, thỏa thuận liên quan, hướng dẫn của Cục Viễn thông/Starlink và quy định pháp luật Việt Nam.

- Vị trí lắp đặt phải an toàn, có người quản lý, có nguồn điện phù hợp và thuận lợi để cộng đồng tiếp cận.

- Theo dõi, đánh giá hằng tháng về tình trạng thiết bị, chất lượng kết nối, số người/hộ thực tế thụ hưởng, mục đích sử dụng, sự cố và hiệu quả; kịp thời xử lý việc sử dụng sai mục đích, hư hỏng hoặc mất mát.

- Việc bố trí thiết bị phát Wi-Fi và thiết bị đầu cuối dùng chung phải căn cứ điều kiện thực tế từng điểm, bảo đảm người dân tại khu vực được xác định có khả

năng tiếp cận dịch vụ Internet; phương án cụ thể do đơn vị kỹ thuật khảo sát, đề xuất và được thống nhất trước khi triển khai.

- Starlink là giải pháp kết nối tạm thời trong thời gian thí điểm; đồng thời tiếp tục phối hợp, đôn đốc doanh nghiệp viễn thông hoàn thiện hạ tầng di động mặt đất.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

Phạm vi thực hiện gồm 31 thôn, bản được thống nhất qua rà soát, đối soát giữa Cục Viễn thông và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An, chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch.

Đối tượng thụ hưởng là cộng đồng dân cư tại các thôn, bản được bố trí thiết bị. Thiết bị và dịch vụ được sử dụng theo nguyên tắc phục vụ chung cho cộng đồng tại địa điểm đã xác định.

III. NHIỆM VỤ

1. Rà soát, khảo sát và xác định địa điểm lắp đặt

Tổ chức rà soát thực tế tại 31 thôn, bản để xác định vị trí lắp đặt phù hợp với điều kiện địa hình, an ninh, an toàn, nguồn điện, khả năng bảo quản và khả năng tiếp cận của cộng đồng. Ưu tiên các vị trí có công trình kiên cố, an toàn, có người trông coi và thuận lợi để người dân sử dụng. Trường hợp không phù hợp, lựa chọn địa điểm khác trên cơ sở thống nhất của địa phương. Tọa độ và vị trí lắp đặt chính thức phải được kiểm tra, xác nhận thực tế trước khi triển khai.

2. Bảo đảm các điều kiện vận hành

Kiểm tra, xác định điều kiện nguồn điện tại từng địa điểm; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thiết bị hoạt động ổn định. Khảo sát nhu cầu mở rộng phạm vi phục vụ bằng Wi-Fi phụ trợ ngoài trời và khả năng bố trí thiết bị đầu cuối dùng chung tại các điểm phù hợp, bảo đảm việc hỗ trợ kết nối thực sự đến được cộng đồng dân cư.

3. Tiếp nhận, bàn giao, lắp đặt và kích hoạt thiết bị

Thực hiện các thủ tục tiếp nhận thiết bị và gói dịch vụ theo hồ sơ tài trợ, thỏa thuận và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức kiểm kê, lập hồ sơ, bàn giao đến các địa điểm; thực hiện vận chuyển, lắp đặt, cấu hình, kích hoạt và hướng dẫn sử dụng. Việc bàn giao phải xác định rõ thiết bị, địa điểm, người hoặc đơn vị trực tiếp quản lý và trách nhiệm bảo quản.

4. Đăng ký dịch vụ và tổ chức sử dụng

Thực hiện đăng ký thuê bao hoặc các thủ tục liên quan theo hướng dẫn của Starlink và quy định có liên quan. Tổ chức sử dụng thiết bị, dịch vụ đúng mục đích phục vụ cộng đồng tại địa điểm đã xác định; không tự ý di chuyển, cho mượn, chuyển giao hoặc sử dụng riêng cho cá nhân.

5. Bảo đảm an toàn, hỗ trợ kỹ thuật, theo dõi và đánh giá

Thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật trong suốt thời gian triển khai; hướng dẫn người trực tiếp quản lý thực hiện các thao tác cơ bản, bảo quản thiết bị và xử lý tình huống ban đầu. Thực hiện theo dõi, đánh giá định kỳ hằng tháng về tình trạng hoạt động, chất lượng kết nối, số người/hộ thực tế thụ hưởng, mục đích sử dụng, mức độ tiếp cận của cộng đồng, tình hình bảo quản, sự cố, thời gian xử lý và hiệu quả bước đầu. Kịp thời xử lý các sự cố về thiết bị, nguồn điện, kết nối, mất mát, hư hỏng; trường hợp hạ tầng viễn thông mặt đất được hoàn thiện tại một địa bàn, xem xét phương án sử dụng, điều chuyển thiết bị sang địa điểm khó khăn khác theo hồ sơ tài trợ và ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Nội dung	Thời gian	Chủ trì/phối hợp	Ghi chú
1	Bàn giao thiết bị cho tỉnh Nghệ An	Ngày 16/9/2026	Cục Viễn thông; Sở KH&CN	Đã hoàn thành
2	Khảo sát vị trí, an ninh, an toàn, điện, người quản lý	Hoàn thành trước ngày 30/9/2026	Công an tỉnh; Sở KH&CN; Sở Công Thương; Công ty Điện lực Nghệ An; Viettel Nghệ An; UBND các xã có điểm lắp đặt	
3	Vận chuyển, lắp đặt, cấu hình, kích hoạt, hướng dẫn	Hoàn thành trước ngày 05/10/2026	Viettel Nghệ An; Starlink; Sở KH&CN	
4	Theo dõi, hỗ trợ kỹ thuật, báo cáo đánh giá	15 hằng tháng trong thời gian 06 tháng	Sở KH&CN; Viettel Nghệ An; UBND các xã có điểm lắp đặt	
5	Tổng kết, đánh giá, đề xuất phương án tiếp theo	Sau 06 tháng triển khai	Sở KH&CN và các đơn vị liên quan	

Thiết bị và gói dịch vụ Starlink thực hiện theo nội dung tài trợ, thỏa thuận và hồ sơ bàn giao giữa các bên có liên quan. Chi phí vận chuyển, lắp đặt, thiết bị Wi-Fi phụ trợ, vận hành và các chi phí khác (nếu phát sinh) thực hiện từ nguồn hợp pháp, nguồn xã hội hóa hoặc nguồn được cấp có thẩm quyền cho phép.

Việc quản lý, bảo quản, điều chuyển hoặc xử lý thiết bị sau thời gian 06 tháng triển khai thực hiện theo hồ sơ tài trợ, biên bản bàn giao, quyết định của cơ quan có thẩm quyền và quy định pháp luật hiện hành.

VI. THÔNG TIN, BÁO CÁO, KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

UBND các xã có điểm lắp đặt phối hợp với người quản lý thiết bị thực hiện báo cáo định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu về tình hình vận hành, sử dụng và hiệu quả phục vụ cộng đồng. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp, kiểm tra, đánh giá và báo cáo UBND tỉnh; khi cần thiết phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra thực tế.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ: là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch.

- Chủ trì tiếp nhận và phối hợp thực hiện bàn giao thiết bị Starlink theo nội dung được cấp có thẩm quyền thống nhất; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, theo dõi quá trình lắp đặt, đưa thiết bị vào khai thác, sử dụng đúng mục đích, phục vụ nhu cầu kết nối Internet của cộng đồng tại các khu vực khó khăn về hạ tầng viễn thông.

- Chủ trì theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai, khai thác và hiệu quả sử dụng thiết bị theo định kỳ hằng tháng.

- Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Công Thương, Công ty Điện lực Nghệ An, Viettel Nghệ An, UBND các xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, hoàn thiện danh sách các điểm triển khai thiết bị Starlink, chủ trì điều chỉnh các điểm triển khai phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện lắp đặt, phương án tổ chức thực hiện và các nội dung liên quan theo yêu cầu.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, chất lượng kết nối, tình hình sử dụng và các kiến nghị, đề xuất của địa phương, đơn vị kỹ thuật để báo cáo UBND tỉnh và phối hợp với Cục Viễn thông, các cơ quan liên quan xử lý theo thẩm quyền.

2. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Viettel Nghệ An và UBND các xã khảo sát, rà soát và đề xuất vị trí phù hợp để triển khai thiết bị Starlink, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về địa điểm, điều kiện triển khai, an toàn và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Hướng dẫn các yêu cầu về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình khai thác, sử dụng thiết bị và kết nối Internet, kịp thời trao đổi, xử lý hoặc đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực phụ trách.

3. Sở Công Thương

Chỉ đạo Công ty Điện lực Nghệ An phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Viettel Nghệ An và UBND các xã khảo sát, bố trí nguồn điện ổn định để cấp điện, duy trì hoạt động của thiết bị Starlink và các hệ thống phụ trợ.

4. Viettel Nghệ An

- Viettel Nghệ An là đầu mối phụ trách kỹ thuật, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Công Thương, Công ty Điện lực Nghệ An, UBND các xã và các doanh nghiệp đồng hành khác (nếu có) thực hiện khảo sát điều kiện

kỹ thuật tại các vị trí được lựa chọn; tổ chức hoặc phối hợp lắp đặt, cấu hình, kích hoạt, kiểm tra và đưa thiết bị Starlink vào khai thác theo kế hoạch.

- Hướng dẫn người đại diện tại các thôn, bản sử dụng thiết bị đúng mục đích, bảo đảm thiết bị được khai thác ổn định, an toàn và phục vụ cộng đồng.

- Phối hợp nghiên cứu, đề xuất phương án bố trí, mở rộng vùng phủ Wi-Fi ngoài trời tại các điểm triển khai nhằm nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ Internet của người dân trong khu vực.

- Định kỳ cung cấp thông tin về tình trạng hoạt động, chất lượng kết nối, sự cố và các vấn đề kỹ thuật phát sinh để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đánh giá hằng tháng.

5. UBND các xã có điểm triển khai

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Công Thương, Công ty Điện lực Nghệ An, Viettel Nghệ An, các doanh nghiệp đồng hành khác trong việc khảo sát, thống nhất vị trí lắp đặt, chuẩn bị các điều kiện cần thiết tại địa phương và tổ chức triển khai thiết bị Starlink.

- Chỉ đạo người đại diện tại các thôn, bản nơi đặt thiết bị tổ chức quản lý, bảo quản và sử dụng thiết bị đúng mục đích, phục vụ nhu cầu truy nhập Internet của cộng đồng; phối hợp bảo đảm an toàn cho thiết bị và điều kiện hoạt động tại điểm triển khai. Đồng thời theo dõi tình trạng hoạt động, tiếp nhận phản ánh của người dân và kịp thời báo cáo UBND xã khi thiết bị phát sinh sự cố, hư hỏng hoặc các vấn đề trong quá trình khai thác, sử dụng để phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Viettel Nghệ An xử lý.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, phối hợp xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- BCĐ phát triển KHCN, ĐMST, CĐS tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Các DN viễn thông: VNPT Nghệ An, MobiFone Nghệ An (phối hợp);
- Lưu: VT, KGVX (TP, D).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thái Văn Thành

DANH SÁCH 31 THÔN, BẢN
TRIỂN KHAI THIẾT BỊ STARLINK TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 895 /KH-UBND ngày29 /9/2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên xã	Tên thôn (mới)	Tình trạng điện lưới	Thôn ĐBKK/ thuộc xã ĐBKK	Số HGĐ trong thôn	Kinh độ	Vĩ độ	Ghi chú
1	Keng Đu	Khe Linh	x	x	59	104.322658	19.619620	
2	Mỹ Lý	Cha Nga		x	92	104.25040	19.70356	
3	Mỹ Lý	Nhọt Lợt		x	40	104.38762	19.70102	
4	Mỹ Lý	Xốp Dương		x	46	104.23564	19.65959	
5	Mỹ Lý	Piêng Pèn	x	x	76	104.37526	19.67383	
6	Mỹ Lý	Phá Chiếng		x	54	104.34725	19.61109	
7	Nhôn Mai	Phá Mựt	x	x	74	104.52088	19.57536	
8	Nhôn Mai	Huồi Măn	x	x	21	104.53403	19.60404	
9	Nhôn Mai	Piêng Luống	x	x	88	104.47731	19.51530	
10	Nhôn Mai	Piêng Luống						Điểm trường lẻ Tiểu học và Mầm non Phia Òi
11	Nhôn Mai	Phia Òi	x	x	43	104.45689	19.53458	
12	Mường Quàng	Huôi Máy		x		104,75333	19,48405	
13	Mậu Thạch	Bá Hạ	x	x	35	105.019220	19.179131	
14	Na Loi	Huồi Khơ	x	x	30	104.19669	19.63796	
15	Mường Lống	Thà Lạng	x	x	35	104.373840	19.541404	
16	Mường Lống	Mò Nừng	x	x	35	104.309045	19.568407	
17	Mường Típ	Bản Cò Mỳ	x	x	80	103979503	19.336647	
18	Mường Típ	Bản Huồi Khói	x	x	40	103.993217	19.359709	
19	Chiêu Lưu	Hồng Tiến	x	x	30	104.324523	19.312749	
20	Tiền Phong	Xốp Sành	x	x	30	19.703998	105.005896	
21	Tri Lễ	Nậm Tột	x	x	50	104.72268	19.64269	
22	Tri Lễ	Huồi Xái	x	x	70	104.739103	19.657608	
23	Hữu Khuông	Huồi Pủng	x	x	65	104,60132	19,54344	

24	Hoa Quân	Thượng Lâm	x	x	70	105.254778	18.721281	
25	Mường Chọng	Bản Vực	x	x	50	105,106428	19,204971	
26	Châu Lộc	Xóm Quắn	x	x	50	105,15441	19. 381873	
27	Nghĩa Khánh	Xóm Nung	x	x	50	105,318131	19. 218433	
28	Huồi Tụ	Bản Na Ni	x	x	50	104,27146	19,542496	
29	Nghĩa Hành	Làng Rào	x	x	50	105,20521	19,06212	
30	Tam Thái	Bản Can	x	x	50	104,51801	19,212807	
31	Nậm Cắn	Pà Ca	x	x	50	104,137534	19,44905	
32	Nậm Cắn	Piêng Phô	x	x	50	104,15569	19,41811	

Lưu ý: Tọa độ trong danh sách phục vụ, hỗ trợ công tác rà soát. Trước khi lắp đặt, Viettel Nghệ An, UBND xã và các đơn vị liên quan kiểm tra, xác nhận tọa độ, vị trí thực tế, điều kiện an toàn, nguồn điện và người trực tiếp quản lý./.